

Số: /BC-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm tra các tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ tư, của Ban Văn hoá - Xã hội, Hội đồng nhân dân Tỉnh khoá X

Thực hiện Kế hoạch số 175/KH-HĐND ngày 26/5/2022 và Công văn số 181/HĐND-VP ngày 01/6/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) Tỉnh về việc phân công thẩm tra các nội dung trình tại kỳ họp thứ tư, HĐND Tỉnh Khóá X. Ngày 30/6/2022, Ban Văn hoá - Xã hội (VH-XH) tổ chức họp¹ để thẩm tra các báo cáo, tờ trình dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ tư, kết quả như sau:

I. Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 07/6/2022 của UBND Tỉnh² và dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung, mức chi tại dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và địa phương, và nguồn lực ngân sách địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật³

Dự thảo Nghị quyết căn cứ: (1) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; (2) điểm a khoản 4 Điều 19

¹ Thành phần tham dự có: Thường trực HĐND Tỉnh, UBND Tỉnh, Ủy viên Ban Văn hoá - Xã hội; đại diện lãnh đạo: Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Pháp chế, các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Y tế, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng: Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND Tỉnh, Văn phòng UBND Tỉnh.

² Về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

³ Điểm b, c, d, khoản 3, Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015⁴; (3) khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁵.

4. Hồ sơ gửi bao gồm⁶:

- Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 07/6/2022 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 534/BC-STP ngày 27/4/2022 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 53/ BC-STC ngày 22/4/2022 của Sở Tài chính tổng hợp ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Để triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”, đồng thời thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC thì việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁷ là cần thiết và đúng thẩm quyền.

6. Về nội dung và hình thức của dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung:

Hiện nay tỉnh Đồng Tháp có 143/143 xã, phường, thị trấn; 12/12 huyện thành phố đạt mức độ 2 về xoá mù chữ, tuy vậy vẫn còn một bộ phận người dân chưa biết chữ, do đó, Tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện công tác này. Việc ban hành quy định nội dung và mức chi tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết bao quát nhiệm vụ cần thiết tại Đồng Tháp.

⁴ "a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo trong phạm vi được phân quyền;".

⁵ “3. Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình HĐND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.

4. Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, HĐND cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách địa phương.”.

⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

⁷ quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Các mức chi này được xác định từ những quy định hiện hành, đồng thời có vận dụng linh hoạt từ thực tế; phù hợp với pháp luật quy định và thực tiễn của địa phương.

(Xem chi tiết tại Bảng thuyết minh kèm theo Tờ trình số 39/TTr-UBND).

b) Về hình thức:

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

c) Đề nghị hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết về kỹ thuật trình bày:

- 3 dấu gạch đầu dòng (-) tại điểm b khoản 6 Điều 2: Chi hỗ trợ hoạt động công tác phổ cập giáo dục, đề nghị sửa đổi thành điểm b1, b2, b3 để thể hiện các nội dung văn bản, thực hiện đúng theo quy định (kỹ thuật trình bày) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁸.

Ban VH-XH thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua.

II. Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND Tỉnh⁹ và dự thảo Nghị quyết ban hành nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung và mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông của địa phương và bố trí nguồn ngân sách địa phương để triển khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ...

⁸ điểm e khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

⁹ Về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật¹⁰

Dự thảo Nghị quyết căn cứ: (1) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; (2) điểm a khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015¹¹; (3) khoản 6 Điều 10 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông¹²; (4) điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ¹³.

4. Hồ sơ gửi bao gồm¹⁴:

- Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Dự thảo Nghị quyết ban hành nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 685/BC-STP ngày 25/5/2022 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh quy định nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 60/BC-STP ngày 13/5/2022 của Sở Tài chính tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 08/6/2022 của UBND Tỉnh đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

- Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó tại Khoản 6 Điều 10 quy định trách nhiệm UBND cấp tỉnh: *"6. Bảo đảm nguồn kinh phí, cơ sở vật chất để Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa và các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa."*

- Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh và khoản 3 Điều 21 Nghị định số

¹⁰ Điểm b, c, d, khoản 3, Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

¹¹ "a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo trong phạm vi được phân quyền;..."

¹² quy định trách nhiệm UBND cấp tỉnh: *"6. Bảo đảm nguồn kinh phí, cơ sở vật chất để Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa và các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa."*

¹³ quy định về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: *"3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ..."*

¹⁴ Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: "3. *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ...*".

Do đó HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này¹⁵ là cần thiết và đúng thẩm quyền.

6. Về nội dung và hình thức của dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung:

- Thực hiện Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT, theo lộ trình hàng năm (đến năm 2024) UBND Tỉnh thành lập 39 Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa ở các cấp học bao gồm: 11 Hội đồng cấp tiểu học, 12 Hội đồng cấp trung học cơ sở, 16 Hội đồng cấp trung học phổ thông. Hội đồng được thành lập cơ cấu, giao nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc theo Điều 4,5,6,7 Chương II Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT.

- Kinh phí dự kiến cho thực hiện Nghị quyết là 1.874.000.000 đồng, từ nguồn sự nghiệp giáo dục hàng năm theo phân cấp; nguồn tài chính của các cơ quan, đơn vị; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Về hình thức:

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

c) Đề nghị hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết:

Tại phần căn cứ ban hành, đề nghị UBND Tỉnh bổ sung: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

Ban VH-XH thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua.

III. Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND Tỉnh¹⁶ và dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm

¹⁵ quy định nội dung, mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

¹⁶ Về dự thảo Nghị quyết quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023.

non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Luật Giáo dục năm 2019; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật¹⁷

Dự thảo Nghị quyết căn cứ: (1) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; (2) điểm a khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015¹⁸; (3) điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019¹⁹; (4) khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ²⁰; (5) điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP²¹; (6) điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP²²; khoản 2 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP²³.

¹⁷ Điểm b, c, d, khoản 3, Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

¹⁸ "a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo trong phạm vi được phân quyền; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật;"

¹⁹ "b) HĐND cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của UBND cấp tỉnh".

²⁰ "3. ...UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương".

²¹ "a) Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau: (Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng).

Mầm non: Thành thị từ 300 đến 540; Nông thôn từ 100 đến 220; Tiểu học: Thành thị từ 300 đến 540, nông thôn từ 100 đến 220; Trung học cơ sở: Thành thị từ 300 đến 650, nông thôn từ 100 đến 270; Trung học phổ thông: Thành thị từ 300 đến 650, nông thôn từ 200 đến 330.

HĐND cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để HĐND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định."

²² "Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định."

²³ "UBND cấp tỉnh trình HĐND quyết định cụ thể thời gian thu, mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn".

4. Hồ sơ gửi bao gồm²⁴:

- Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023.

- Dự thảo Nghị quyết quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023.

- Báo cáo số 489/BC-STP ngày 21/4/2022 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023.

- Báo cáo số 47/BC-STC ngày 05/4/2022 của Sở Tài chính tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định về mức thu đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023.

5. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Để thực hiện mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm học 2022-2023 theo đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ thì việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này²⁵ là cần thiết và đúng thẩm quyền.

6. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung:

- Đa số mức thu học phí năm học 2022-2023 có tăng so với năm học 2021-2022, nhưng đây là mức thấp nhất của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên: Mức thu học phí tại mục IV (Trung học phổ thông): Đối với các lớp phổ thông dạy chương trình đại trà cao hơn 10%; đối với trường chuyên, các lớp phổ thông dạy theo chương trình chuyên: vùng thành thị (phường, thị trấn) cao hơn 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Việc xác định mức thu học phí đối với trường THPT đại trà mức cao hơn 10%; THPT chuyên mức cao hơn 20% so với mức tối thiểu của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là dựa vào sự kế thừa của Nghị quyết giai đoạn trước; đồng thời đẩy nhanh lộ trình nâng dần các đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính tại các cơ sở giáo dục là chưa phù hợp.

+ Hàng năm ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho các trường THPT chuyên mức cao hơn mặt bằng chung của các trường THPT trong Tỉnh, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động.

+ Tỉnh ta vừa trải qua đợt dịch thế kỷ, điều kiện lao động, sản xuất mới dần dần được hồi phục, cuộc sống của người dân gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy,

²⁴ Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

²⁵ Quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2022-2023.

để chia sẻ gánh nặng với dân trong giai đoạn khó khăn này, để đảm bảo mỗi học sinh có đủ điều kiện đến trường.

Ban VH-XH đề nghị quy định mức thu học phí đối với trường chuyên, các lớp phổ thông dạy theo chương trình chuyên bằng mức sàn (mức tối thiểu) của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

b) Đề nghị hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị loại bỏ quy định mức học phí cho cấp Tiểu học trong dự thảo Nghị quyết theo quy định khoản 1 Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP vì tỉnh Đồng Tháp có đủ trường Tiểu học công lập phục vụ học sinh tiểu học trong độ tuổi.

- Mức thu học phí được trình bày, thể hiện tại khoản 1, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết, không kèm theo phụ lục.

Qua thẩm tra còn ý kiến khác nhau cần lấy ý kiến của đại biểu HĐND Tỉnh.

c) Nội dung còn ý kiến khác nhau

- Cơ quan trình đề nghị giữ mức thu học phí đã trình tại dự thảo Nghị quyết đối với trường chuyên, các lớp phổ thông dạy theo chương trình chuyên: vùng thành thị (phường, thị trấn) cao hơn 20% so với mức tối thiểu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Ban VH-XH đề nghị quy định bằng mức sàn (mức tối thiểu) của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh thảo luận.

d) Kiến nghị

- Mức thu học phí này được xây dựng ở mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP nhưng vẫn cao hơn so với năm học trước, đề nghị UBND Tỉnh chỉ đạo sở, ngành chuyên môn có liên quan, UBND cấp huyện và cơ sở giáo dục tăng cường công tác thông tin, phổ biến tuyên truyền để phụ huynh, học sinh, học viên chia sẻ, đồng thuận, biết thực hiện.

- Đề nghị UBND Tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ sở giáo dục thực hiện đúng quy định đối với các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo hướng dẫn tại Công văn số 2153/BGDĐT-KHTC ngày 24/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2022-2023.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét, thảo luận cho ý kiến.

IV. Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND Tỉnh²⁶ và dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

²⁶ Về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và điểm; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 25/6/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Mức chi của dự thảo Nghị quyết phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật²⁷

Dự thảo Nghị quyết căn cứ: (1) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; (2) khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015²⁸; (3) khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ²⁹; (4) điểm b Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội³⁰.

4. Hồ sơ gửi bao gồm³¹:

- Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 604/BC-STP ngày 12/5/2022 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Công văn số 1556/STC-QLNS ngày 30/5/2022 của Sở Tài chính về việc quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

²⁷ Điểm b, c, d, khoản 3, Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

²⁸ nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội.

²⁹ “2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2021 là 360.000 đồng/tháng. Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác; 3. Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này; b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.”

³⁰ được đính chính tại Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-LĐTBXH ngày 24/6/2021 quy định: “3. UBND cấp tỉnh... b) Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình HĐND cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; xem xét quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội...”

³¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

5. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ; điểm b Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội³² quy định: "3. UBND cấp tỉnh... b) Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình HĐND cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; xem xét quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội...". Do đó, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này³³ là cần thiết và đúng thẩm quyền.

6. Về nội dung và hình thức dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung:

- Tại điểm b, khoản 3, Điều 1: Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng chăm sóc nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội là 450.000 đồng/tháng, cao hơn 1,25 lần so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

- Việc xác định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng chăm sóc nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội cao hơn 1,25 lần so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 20/2021/NĐ-CP được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là do chi phí thực tế trong các cơ sở bảo trợ xã hội của tỉnh trong thời gian qua, và mức chi đó nằm trong khả năng cân đối ngân sách của Tỉnh, và tổng dự kiến nguồn ngân sách đảm bảo thực hiện Nghị quyết này để thực hiện; Ban VH-XH đồng tình với việc xác định mức áp dụng này.

- Đối tượng chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định "...Các đối tượng này thuộc hộ nghèo, cận nghèo...", theo chuẩn nghèo đa chiều của giai đoạn 2022-2025 được hưởng mức trợ cấp hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số 1,0.

b) Về hình thức:

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

c) Đề nghị hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết

- Điều chỉnh từ ngữ tại điểm b khoản 3 Điều 1 "*Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng chăm sóc nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội...*" từ "*bảo*

³² được đính chính tại Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-LĐTBXH ngày 24/6/2021.

³³ Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

trợ” thành từ “trợ giúp” cho phù hợp từ ngữ quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Có phụ lục quy định các đối tượng cụ thể riêng cho dự thảo Nghị quyết này, đối với các đối tượng chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP phù hợp với thực tế của Tỉnh

- Sắp xếp lại bố cục dự thảo Nghị quyết theo mẫu hướng dẫn Nghị quyết quy phạm pháp luật.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua.

V. Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 21/6/2022 của UBND Tỉnh³⁴ và dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi chế độ điều dưỡng sức khỏe tập trung cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Mức chi của dự thảo Nghị quyết từ nguồn ngân sách trung ương và hỗ trợ phân chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật³⁵

Dự thảo Nghị quyết căn cứ: (1) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; (2) khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015³⁶; (3) điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ³⁷; (4) khoản 2 Điều 6 Nghị định số 75/2021/NĐ-CP³⁸; khoản 7 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP³⁹; khoản 9 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP⁴⁰.

³⁴ Về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

³⁵ Điểm b, c, d, khoản 3, Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

³⁶ nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội.

³⁷ "3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ..."

³⁸ "2. Điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung: Mức chi bằng 1,8 lần mức chuẩn/01 người/01 lần. Nội dung chi bao gồm: a) Tiền ăn trong thời gian điều dưỡng; b) Thuốc thiết yếu; c) Quà tặng cho đối tượng; d) Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho đối tượng trong thời gian điều dưỡng (mức chi tối đa 15% mức chi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung), gồm: khăn mặt, xà phòng, bàn chải, thuốc đánh răng, tham quan, chụp ảnh, tư vấn

4. Hồ sơ gửi bao gồm⁴¹:

- Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 21/6/2022 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi chế độ điều dưỡng sức khỏe tập trung cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 715/BC-STP ngày 31/5/2022 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Báo cáo số 65/BC-STC ngày 20/5/2022 của Sở Tài chính tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Công văn số 834/STP-XD&KTVBQPPL ngày 17/6/2022 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Tỉnh.

5. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Tại khoản 7 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: *"7. Chi phí đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, chi phí ăn, ở (nếu có) phát sinh trong thời gian đi đường (đi và về) của đối tượng đi điều dưỡng tập trung. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, UBND cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo HĐND cấp tỉnh quyết định mức chi chế độ điều dưỡng cao hơn mức chi chế độ điều dưỡng từ nguồn ngân sách trung ương và hỗ trợ phần chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật."*; đồng thời tại khoản 9 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: *"9. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của người có công với cách mạng do địa phương ban hành: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, UBND cấp tỉnh quyết*

sức khỏe, phục hồi chức năng, sách báo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và các khoản chi khác phục vụ đối tượng điều dưỡng."

³⁹ *"7. Chi phí đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, chi phí ăn, ở (nếu có) phát sinh trong thời gian đi đường (đi và về) của đối tượng đi điều dưỡng tập trung. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, UBND cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo HĐND cấp tỉnh quyết định mức chi chế độ điều dưỡng cao hơn mức chi chế độ điều dưỡng từ nguồn ngân sách trung ương và hỗ trợ phần chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật."*

⁴⁰ *"9. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của NCCCM do địa phương ban hành: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, UBND cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo HĐND cấp tỉnh quyết định và bảo đảm kinh phí thực hiện."*

⁴¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

định hoặc báo cáo HĐND cấp tỉnh quyết định và bảo đảm kinh phí thực hiện."
Do đó, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁴² là cần thiết và đúng thẩm quyền.

6. Về nội dung và hình thức dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung:

Ban Văn hoá - Xã hội nhận thấy:

- Đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết là đối tượng được quy định tại Điều 2, 3, 38 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nội dung và mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 75/2021/NĐ-CP quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

Tuy nhiên, nội dung chi tại khoản 1, 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết không nằm trong quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 75/2021/NĐ-CP nhưng phù hợp với khoản 9 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của Tỉnh.

- Tại khoản 3 Điều 2⁴³: Tiền phòng nghỉ ngày tập trung tại Tỉnh trước khi đi điều dưỡng và khi tổ chức điều dưỡng phục hồi sức khỏe theo hình thức kết hợp tham quan thực tế, cơ quan trình đã vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh⁴⁴ đã ban hành.

c) Về hình thức:

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Ban Văn hoá - Xã hội thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua.

VI. Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Tỉnh⁴⁵ và dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực

⁴² Quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁴³ 3. Tiền phòng nghỉ:

a) Ngày tập trung tại tỉnh trước khi đi điều dưỡng (tập trung trước một ngày): Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

b) Trường hợp tổ chức điều dưỡng phục hồi sức khỏe theo hình thức kết hợp tham quan thực tế: Tối đa 350.000 đồng/người/ngày.

⁴⁴ Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND Tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁴⁵ Về dự thảo Nghị quyết về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

a) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 19⁴⁶ và điểm e khoản 5 Điều 19⁴⁷ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg; khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Do vậy, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁴⁸ là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

b) Trình tự đề nghị ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁴⁹.

4. Hồ sơ gửi bao gồm⁵⁰:

- Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

⁴⁶ về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường.

⁴⁷ về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực lao động và thực hiện chính sách xã hội.

⁴⁸ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁴⁹ Điều 111 đến Điều 123 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

⁵⁰ Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình;
- Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp⁵¹.
- Bảng tổng hợp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết⁵².
- Công văn báo cáo tổng hợp, tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết⁵³

5. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là để có cơ sở triển khai thực hiện Chương trình nêu trên trên địa bàn Tỉnh.

6. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

a) Tại Điều 2, 3 dự thảo Nghị quyết:

- Việc xác định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đúng với quy định Điều 3,4 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Năm 2022, tỉnh Đồng Tháp nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương tỷ lệ 53,94% (theo Nghị quyết số 40/2021/QH15) và tỷ lệ này được giữ ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 theo luật Ngân sách nhà nước năm 2015 nên tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg, đồng thời phù hợp với khả năng tài chính của địa phương trong việc bố trí vốn đối ứng và lồng ghép các nguồn lực khác của địa phương để thực hiện Chương trình.

Tuy nhiên, Ban VH-XH đối chiếu các nhiệm vụ, thuộc thẩm quyền của HĐND Tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì dự thảo Nghị quyết chỉ đề cập 01 nội dung “*Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương*”, còn lại 03 nội dung chưa được đề cập đó là:

- Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

- Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11,12 Nghị định này.

⁵¹ Báo cáo số 720/BC-STP ngày 31/5/2022 của Sở Tư pháp.

⁵² Báo cáo số 66/BC-STP ngày 20/5/2022 của Sở Tài chính.

⁵³ Công văn số 1671/STC-HCSN ngày 09/6/2022 của Sở Tài chính.

- Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, 22, 23 Nghị định này.

Đề nghị cơ quan trình rà soát, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

b) Tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối với tiêu dự án 1 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc dự án 3 của Quyết định 02/2022/QĐ-TTg (Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng).

Theo Quyết định số 90/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì tỉnh Đồng Tháp thuộc phạm vi áp dụng của các dự án. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định đối với tiêu dự án 1 thuộc dự án 3 là chưa đầy đủ.

Đề nghị cơ quan trình rà soát, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

c) Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết: Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối với các tiêu dự án, dự án còn lại theo Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương, UBND Tỉnh trình thông qua HĐND Tỉnh phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện, phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Ban VH-XH nhận thấy trong cùng một quy định quản lý và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp lại quy định cho từng tiêu dự án, dự án bằng 01 Nghị quyết HĐND là chưa phù hợp.

Đề nghị cơ quan trình rà soát, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết cho các dự án, tiêu dự án còn lại theo quy định của Chính phủ

d) Đề nghị hoàn thiện, bổ sung dự thảo Nghị quyết:

- Đề nghị cơ quan trình bổ sung dự thảo Nghị quyết đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và đảm bảo theo quy định của các văn bản hướng dẫn của Trung ương; đồng thời điều chỉnh tên gọi Nghị quyết phù hợp với việc quy định quản lý và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quy định việc phân bổ các dự án còn lại được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 90/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Phần căn cứ đề nghị bổ sung căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

- Đề nghị bỏ tiêu chí từ 18 xã trở lên thuộc tiêu chí số 3 khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đối với số đơn vị hành chính cấp xã của huyện vì tỉnh Đồng Tháp chỉ có huyện Cao Lãnh có 18 xã (huyện có số xã cao nhất của tỉnh).

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét, thảo luận cho ý kiến.

VII. Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 23/6/2022 của UBND Tỉnh⁵⁴ và dự thảo Nghị quyết về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Về thẩm quyền ban hành

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường; điểm e khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực lao động và thực hiện chính sách xã hội.

- Căn cứ khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp.

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ “*về việc giao dự toán Ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia*”.

Do vậy, việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁵⁵ là cần thiết, có cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

2. Tính khả thi của dự thảo Nghị quyết

- Dự thảo Nghị quyết về giao dự toán nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 hỗ trợ thực hiện Chương trình là 26,210 tỷ đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 1,236 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 24,974 tỷ đồng.

3. Trình tự, hồ sơ ban hành Nghị quyết

- Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 23/6/2022 của UBND Tỉnh⁵⁶;

⁵⁴ Về việc giao dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁵⁵ Về giao dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁵⁶ V/v trình dự thảo Tờ trình của UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Dự thảo Nghị quyết về việc giao dự toán nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Công văn số 1459/SLĐT BXH-BTPCTNXH ngày 20/6/2022 của Sở LĐTB&XH⁵⁷.

- Công văn 1647/SKHĐT-NV ngày 22/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư⁵⁸.

4. Dự thảo Nghị quyết

- Tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết: Mục tiêu nhiệm vụ cụ thể là giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,4% là phù hợp với nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Đồng Tháp tại Quyết định số 653/QĐ-TTg.

- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đối với nguồn vốn sự nghiệp 24,974 tỷ đồng giao cho các cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh là chưa đúng theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Căn cứ quyết định của Thủ tướng chính phủ giao dự toán ngân sách trung ương và mục tiêu nhiệm vụ hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định “phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia Trong đó, làm rõ phương án phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc chi tiết đến nội dung, dự án thành phần (tổng mức và cơ cấu vốn) và danh mục dự án đầu tư”*.

Đề nghị cơ quan trình bổ sung vào dự thảo Nghị quyết: phương án phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, chi tiết đến nội dung, dự án thành phần (tổng mức và cơ cấu vốn); và danh mục dự án đầu tư theo quy định

5. Đề nghị hoàn chỉnh và bổ sung dự thảo Nghị quyết:

- Bổ sung vào dự thảo Nghị quyết: phương án phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chi tiết đến nội dung, dự án thành phần (tổng mức và cơ cấu vốn); và danh mục dự án đầu tư.

- Điều chỉnh tiêu đề Nghị quyết “Nghị quyết phân bổ ngân sách nhà nước từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét, thảo luận.

VIII. Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23/6/2022 của UBND Tỉnh⁵⁹ và dự thảo Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn

⁵⁷ V/v thẩm định dự thảo tờ trình UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết trình HĐND khóa X, kỳ họp lần thứ tư

⁵⁸ V/v trình dự thảo Tờ trình của UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh về giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁵⁹ Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp..

ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Về thẩm quyền ban hành

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường; điểm e khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực lao động và thực hiện chính sách xã hội.

- Căn cứ khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp.

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia”.

Do vậy, việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁶⁰ là cần thiết, có cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

2. Tính khả thi của dự thảo Nghị quyết

- Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Vốn ngân sách trung ương là 14,257 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách địa phương 1,443 tỷ đồng.

3. Trình tự, hồ sơ ban hành Nghị quyết

- Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23/6/2022 của UBND Tỉnh⁶¹;

- Dự thảo Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Công văn số 1459/SLĐT BXH-BTPCTNXH ngày 20/6/2022 của Sở LĐTB&XH⁶².

⁶⁰ Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁶¹ Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp..

⁶² V/v thẩm định dự thảo tờ trình UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết trình HĐND khóa X, kỳ họp lần thứ tư

- Công văn 1643/SKHĐT-NV ngày 22/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư⁶³.

4. Dự thảo Nghị quyết

- Tại khoản 2 dự thảo Nghị quyết: Phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025. Ngân sách trung ương hỗ trợ tiểu dự án 3 về hỗ trợ việc làm bền vững thuộc dự án thành phần 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 90/QĐ-TTg.

- Việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2015 cho tiểu dự án 3 về hỗ trợ việc làm bền vững thuộc dự án thành phần 4, những dự án còn lại thì chưa rõ bố trí nguồn lực để thực hiện theo Quyết định số 652/QĐ-TTg và Quyết định số 90/QĐ-TTg.

Hơn nữa phương án phân bổ chưa được Chính phủ phê duyệt, chỉ có Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ. Như vậy, chưa đủ cơ sở để HĐND thông qua Nghị quyết này.

5. Đề nghị hoàn chỉnh và bổ sung dự thảo Nghị quyết

- Điều chỉnh tiêu đề Nghị quyết “Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 – 2015 thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét, thảo luận.

IX. Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 22/6/2022 của UBND Tỉnh⁶⁴ và dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp

1. Về thẩm quyền ban hành

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội.

- Căn cứ khoản 7 Điều 17 Mục I Chương II Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công.

Do vậy, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁶⁵ là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

2. Tính khả thi của dự thảo Nghị quyết

Dự án đã được Chủ đầu tư lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và được Hội đồng thẩm định Tỉnh thẩm định Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư tại Báo

⁶³ V/v trình dự thảo Tờ trình của UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND Tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁶⁴ Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

⁶⁵ về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

cáo số 647/SKHĐT-HĐTĐ⁶⁶, kết luận: Dự án xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp đủ điều kiện trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và triển khai các bước tiếp theo.

Song song với việc trình dự thảo Nghị quyết này, UBND trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (đợt 2). Trong đó có danh mục xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

3. Trình tự, hồ sơ ban hành Nghị quyết

- Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 22/6/2022 của UBND Tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp;

- Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp;

- Báo cáo số 81/BC-SYT ngày 25/3/2022 của Sở Y tế về việc đề xuất chủ trương đầu tư Dự án;

- Tờ trình số 53/TTr-SYT ngày 25/3/2022 của Sở Y tế về việc phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp;

- Báo cáo số 647/SKHĐT-HĐTĐ ngày 17/3/2022 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

4. Dự thảo Nghị quyết

- Tên dự án: Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp. Dự án phù hợp mục đích, đối tượng đầu tư của Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng, nâng cấp bệnh viện y học cổ truyền toàn quốc giai đoạn 2014 – 2025 và Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 03/02/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại trên địa bàn Tỉnh đến năm 2030.

- Dự án nhóm B là phù hợp theo Luật Đầu tư công.

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng và trang bị bổ sung thiết bị cho Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp, cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn về xây dựng và thiết bị đối với bệnh viện quy mô 250 giường bệnh, phục vụ tốt nhu cầu khám và chữa bệnh cho người dân tỉnh Đồng Tháp.

- Tổng vốn thực hiện dự án: **85.197.407.000 đồng.**

- Thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị đại biểu HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua.

⁶⁶ Báo cáo số 647/SKHĐT-HĐTĐ ngày 17/3/2022 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

X. Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 22/6/2022 của UBND Tỉnh⁶⁷ và dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười

1. Về thẩm quyền ban hành

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội:

- Căn cứ khoản 7 Điều 17 Mục I Chương II Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công.

Do vậy, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này⁶⁸ là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

2. Tính khả thi của dự thảo Nghị quyết

- Nghị quyết số 330/2020/NQ-HĐND thì danh mục đầu tư đã ghi là: Xây dựng mới khu điều trị nội trú – lâm sàng và cận lâm sàng thuộc BVĐK khu vực Tháp Mười (tại vị trí khu C đã xuống cấp), được dự kiến bố trí vốn là **285 tỷ đồng**.

- Để phù hợp tình hình thực tế của địa phương, UBND Tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan khảo sát thực tế, rà soát và sự cần thiết đầu tư và thống nhất Trong giai đoạn 2021-2025: đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của Bệnh viện đến năm 2030

- Về tính khả thi nguồn vốn thực hiện dự án: Theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND Tỉnh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ thì tổng số vốn còn lại dự kiến phân khai giai đoạn 2021-2025 đối với 03 dự án thuộc lĩnh vực y tế chưa đủ thủ tục là 436,5 tỷ đồng,

Đồng thời, song song với việc trình dự thảo Nghị quyết này, UBND trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (đợt 2). Trong đó có danh mục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười.

3. Trình tự, hồ sơ ban hành Nghị quyết

- Tờ trình số Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 22/6/2022 của UBND Tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười;

- Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười;

⁶⁷ Quyết định chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười.

⁶⁸ về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười.

- Tờ trình số 71/TTr-SYT ngày 31/5/2022 của Sở Y tế về việc phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười;

- Báo cáo số 1312/SKHĐT-HĐTĐ ngày 20/5/2022 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười;

- Báo cáo số 163/BC-SYT ngày 31/5/2022 của Sở Y tế về việc đề xuất chủ trương đầu tư Dự án.

4. Dự thảo Nghị quyết

- Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa hoàn chỉnh cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị cho BVĐK khu vực Tháp Mười đáp ứng tiêu chuẩn quy mô phục vụ 250 giường bệnh theo quy định.

- Quy mô đầu tư: (1) Cải tạo, sửa chữa Khu B (Khu hành chính) diện tích khoảng 2.472m²; (2) Cải tạo, sửa chữa Khu C (Khu điều trị nội trú) diện tích khoảng 4.306m²; (3) Xây dựng mới Khu nhà tạm phục vụ người bệnh trong thời gian cải tạo, sửa chữa Khu C, với diện tích xây dựng khoảng 320m² (kết cấu thép lắp ghép); (4) Xây dựng mới khu vệ sinh (Khu A) phục vụ bệnh nhân với diện tích sàn xây dựng khoảng 35m²; (5) Cải tạo cầu nổi hành lang diện tích khoảng 603m²; (6) Cải tạo hệ thống sân diện tích khoảng 500m²; thảm bê tông nhựa đường nội bộ 4.600m²; (7) Thiết bị y tế chuyên dùng; lắp đặt máy phát điện dự phòng và máy lạnh.

- Dự án nhóm B; Tổng vốn thực hiện dự án: **111.266.435.000 đồng.**

Ban VH-XH Thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND. Đề.

**TM. BAN VĂN HOÁ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

Đoàn Duy Thuỳ Ngân